

Việt Nam trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918)

1. Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam

Ngày 1-8-1914, Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ. Đó là cuộc chiến tranh đế quốc nhằm chia lại thị trường.

Ngay từ khi chiến tranh bùng nổ, Đông Dương đã trở thành đối tượng để vơ vét sức người, sức của của thực dân Pháp. Ngoài "thuế má" và các thứ thuế khác, nhân dân Việt Nam còn phải mua phiếu quốc trái và đóng tiền quyên góp các loại với một số lượng khổng lồ mỗi năm tới 450.000.000 Phơăng, nhiều nhất so với các thuộc địa khác của Pháp.

Những chiến dịch "săn người" của chính quyền thuộc địa đã bắt hàng trăm ngàn thanh niên Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam, sang chết thay cho lính Pháp trên các chiến trường Châu Âu.

Nếu đem so sánh với các thuộc địa khác của Pháp, riêng số lính thợ Đông Dương phải cung cấp đã chiếm 1/4 tổng số lính thợ

trong tất cả các thuộc địa của Pháp là 183.928 người, đứng đầu các thuộc địa.

Để phục vụ cuộc chiến ở Châu Âu, trong bốn năm chiến tranh, thực dân Pháp đã khai thác ở Việt Nam hàng vạn tấn quặng kim loại quý hiếm như kẽm, chì, thiếc, kền, nhôm, ăngtimoan, 336.000 tấn nông lâm sản các loại.

Công nghiệp thuộc địa phải gánh đỡ cho công nghiệp chính quốc vốn bị đình đốn do chiến tranh. Các ngành chế biến gỗ, rượu cồn, hóa chất... cần cho việc chế tạo vũ khí, quân nhu... đều gia tăng.

Nông nghiệp từ chỗ chuyên canh cây lúa đã chuyển một phần sang trồng những cây công nghiệp phục vụ chiến tranh như thầu dầu, đậu, lạc. Cây cao su được đặc biệt chú ý khai thác, sản lượng từ 200 tấn năm 1914 tăng lên 931 tấn năm 1917. Năm 1916, chính quyền Đông Dương ra lệnh tăng diện tích trồng thầu dầu để mỗi năm có thể xuất cảng sang Pháp 3.000 tấn hạt.

Chính sách bắt dân phá lúa trồng thầu dầu, trồng bông, nạn bắt lính, bắt mua công trái, bắt uống rượu do nhà nước thực dân nấu, nạn quyền góp cho "mẫu quốc"... đã khiến cho nông nghiệp Việt

Nam khốn đốn, tiêu điều. Đời sống của nông dân vô cùng bi đát. Trong suốt bốn năm chiến tranh người nông dân bị bần cùng một cách ghê gớm.

Ảnh hưởng sâu sắc nhất của chiến tranh đối với nền kinh tế Việt Nam rõ nhất là trong thương nghiệp. Do chiến tranh nên việc độc chiếm thị trường của Pháp ở Đông Dương có phần bị hạn chế. Hàng hoá từ Pháp sang Việt Nam giảm sút nghiêm trọng, từ 58 triệu Phơăng xuống còn 30 triệu Phơăng, trong khi đó hàng hoá xuất từ Việt Nam sang các nước khác trong khu vực lại có phần tăng lên. Nội thương và giao thông vận tải có điều kiện phát triển khiến cho tư sản Việt Nam hoạt động trong các ngành ngày càng có cơ hội để lớn lên, nằm ngoài ý muốn của thực dân Pháp.

Do đó, cơ cấu xã hội Việt Nam trong những năm chiến tranh đã có nhiều thay đổi.

+ Lực lượng sản xuất ở nông thôn bị giảm sút (do chế độ bắt lính, bắt phu tàn bạo).

+ Công nhân gia tăng về số lượng (riêng ngành mỏ từ 12.000 năm 1913 tăng lên 17.000 năm 1916). Công nhân làm việc trong các xí

nghiệp tư bản Việt Nam cũng tăng lên. Công ty Bạch Thái Bưởi có lúc sử dụng tới 1.000 công nhân.

+ Tầng lớp tiểu tư sản thành thị ngày càng đông đúc cùng với việc xuất hiện ngày càng nhiều trung tâm hành chính, công thương nghiệp và dịch vụ.

+ Tranh thủ thời gian Pháp nới lỏng độc quyền, tư sản Việt Nam cố gắng len lỏi vươn lên. Một số tư sản ra đời từ trước như Nguyễn Hữu Thu, Phạm Văn Phi... đẩy mạnh hoạt động. Một số tiểu chủ, tiểu thương vươn lên hàng tư sản như Lê Quang Long ở La Khê (Hà Đông), Bùi Tường ở Hoà (Hà Đông), Lê Văn Nghị ở Nam Trực (Nam Định). Họ hoạt động chủ yếu trong công thương nghiệp, giữ được vai trò đáng kể trong một số ngành kinh doanh.

Tuy có sự lớn lên ít nhiều về kinh tế, song nhìn chung, trong thời gian chiến tranh, tư sản dân tộc Việt Nam lại yếu hơn so với những năm đầu thế kỷ XX về ý thức dân tộc .

Nắm được những nhược điểm của giai cấp tư sản Việt Nam, thực dân Pháp đã kết hợp nhiều thủ đoạn vừa đe dọa, vừa dụ dỗ mua chuộc tầng lớp thượng lưu trí thức bản địa. Bằng việc đề ra một

số cải cách lừa bịp, đề cao uy thế của bọn bù nhìn Nam triều, bằng cuộc vận động cải lương hương chính, bằng các biện pháp phát triển văn hoá giáo dục nô dịch, mị dân... và bằng cả các biện pháp thẳng tay đàn áp các phong trào yêu nước..., thực dân Pháp đã cố gắng khống chế về tinh thần, kết hợp với trấn áp bằng vũ lực các cuộc nổi dậy của nhân dân Việt Nam.

Chính sách thống trị của thực dân Pháp trong thời kỳ chiến tranh đã gây nên những phản nộ, bất bình trong dân chúng Đông Dương.

2. Phong trào đấu tranh trong thời gian Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918)

Hoạt động trở lại của Việt Nam Quang phục hội

Trước khi chiến tranh bùng nổ, nhất là từ khi Phan Bội Châu bị chính quyền Lương Quang bắt giam, Việt Nam Quang phục hội bị tan rã. Tuy nhiên, nhiều hội viên của hội còn rất hăng hái.

Tháng 9-1914, Đỗ Cơ Quang (có tài liệu ghi là Đỗ Chấn Thiết) tập hợp 50 hội viên ở Vân Nam (Trung Quốc) lập cơ sở chế bom ở Hà Nội, tiến hành vận động binh lính, chuẩn bị bạo động. Nguyễn Hắc

Sơn làm phản, kế hoạch bị bại lộ, Đỗ Cơ Quang cùng 58 người khác bị bắt.

Cuối năm 1914, đầu năm 1915, một số người yêu nước ở Phú Thọ đã tổ chức cuộc tấn công vào trại lính khố xanh nhưng thất bại, 238 người bị bắt, 47 người bị kết án, trong đó 28 án tử hình.

Cũng thời gian này, những hội viên Việt Nam Quang phục hội đã tổ chức cuộc đánh đồn Nho Quan (Ninh Bình), đồn Móng Cái, đồn Lục Nam (10-1914) nhưng đều không thành công.

Đầu năm 1915, một số yếu nhân trong Quang phục hội ở nước ngoài tổ chức tập kích Móng Cái và đánh đồn Tà Lùng (Cao Bằng) ngày 13-3-1915. Sau 45 phút chiến đấu, nghĩa quân không phá được đồn, phải rút lui.

Tháng 9-1915, ở Lao Bảo, nơi giam giữ các loại "tù quốc sự" xảy ra vụ bạo động giết lính phá ngục. Ở đây có gần 200 tù nhân, trong đó có những hội viên tích cực của Việt Nam Quang phục hội như Liêu Thanh, Hồ Bá Kiện (thân sinh Hồ Tùng Mậu).

Trong những tháng tiếp theo còn nổ ra một số cuộc đánh đồn

khác như cuộc đánh đồn Bát Sát (Lào Cai) ngày 8-8- 1916, đồn
Đồng Văn (Hà Giang) ngày 3-3-1917, đồn Mường Thương (Lào Cai)
ngày 7-2-1918... tất cả đều nằm trong kế hoạch của Quang phục
hội hoặc chịu ảnh hưởng của hội, nhưng nhìn chung, không mấy
kết quả.

Sau những cuộc bạo động nói trên, chính quyền thực dân ở Đông
Dương đã thẳng tay đàn áp. Nhận lời yêu cầu của Pháp, chính
quyền Trung Hoa, Anh và Xiêm đã bắt, giao cho chúng nhiều
người yêu nước Việt Nam.

Những cố gắng cuối cùng và sự thất bại của các hội viên Việt Nam
Quang phục hội đã chứng tỏ đường lối của tổ chức này chưa đáp
ứng được yêu cầu của phong trào cách mạng Việt Nam lúc đó. Tuy
vậy, trong hoàn cảnh chưa xuất hiện một tổ chức cách mạng mới
có uy tín và trình độ lãnh đạo cao hơn, danh nghĩa Việt Nam
Quang phục hội, cùng với uy tín của lãnh tụ Phan Bội Châu vẫn là
nguồn cổ vũ và niềm tin cho các lực lượng yêu nước trong những
năm chiến tranh.